

BIỂU TỔNG HỢP - PHỤ LỤC SỐ 04
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ THÁNG 6 NĂM 2025, HUYỆN TUẦN GIÁO
(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN		
	TỔNG SỐ	38.500	14.989	122.525	28.959	116.221	75%	
1	Sự nghiệp kinh tế	12.105	2.106	80.901	8.825	77.594	73%	Biểu 01
2	Sự nghiệp giáo dục	24.129	11.800	34.307	18.681	31.309	77%	Biểu 02
3	Hỗ trợ đất lúa	2.266	1.083	7.317	1.453	7.317	64%	Biểu 03

Biểu số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
				Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
	Tổng cộng	92.100	12.105	2.106	80.901	8.825	77.594	
A	Trả nợ sau quyết toán	45.700	4.201	1.313	42.377	4.130	40.994	
I	Sự nghiệp giao thông	43.300	3.440	552	40.001	3.369	39.379	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	38.400	2.888	0	35.450	2.817	35.379	
1	Nâng cấp đường vào bản Gia Bọp	5.000	390		4.968	390	4.968	
2	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, rãnh thoát nước và công trình phòng hộ công trình Nà Sáy - Mường Thín	8.000	96		7.696	96	7.696	
3	Sửa chữa đường từ ngảm bản Mu - bản Cuông và đường vào bản Sái Trong	2.000	326		1.926	326	1.926	
4	Sửa chữa kênh thủy lợi Ná Hốc, xã Quài Tở	700	182		682	182	682	
5	Nâng cấp đường bản Hua Mức 3 - Trung tâm xã (Giai đoạn 2)	8.300	270		7.444	270	7.444	
6	Sửa chữa đường bản Xuân Tươi - bản Hóc Hòm, xã Mùn Chung	1.500	332		1.403	332	1.403	
7	Sửa chữa đường bản Cản - bản Phủ xã Quài Cang	3.100	286		2.712	286	2.712	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	Ghi chú
8	Nâng cấp đường vào bản Hua Ca - Thẩm Pao xã Quài Tở (giai đoạn 1)	9.800	1.006		8.619	935	8.548	
*	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	4.900	552	552	4.551	552	4.000	
1	Sửa chữa đường vào bản Nà Tòng	1.500	222	222	1.421	222	1.200	
2	Sửa chữa đường bản Co En, bản Ta Léch, bản Bó Léch và khu trung tâm xã Mùn Chung	1.000	115	115	915	115	800	
3	Sửa chữa mặt đường + Kè bảo vệ nền đường lên Nghĩa trang nhân dân thị trấn Tuần Giáo	2.400	215	215	2.215	215	2.000	
II	Chi quản lý hành chính	2.400	761	761	2.376	761	1.615	
*	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	2.400	761	761	2.376	761	1.615	
1	Sửa chữa Trụ Sở + Nhà Văn hoá, xã Mường Thín	1.100	278	278	1.093	278	815	
2	Sửa chữa Trụ Sở xã Chiềng Đông	650	240	240	639	240	400	
3	Sửa chữa Trụ Sở xã Nà Tòng	650	243	243	643	243	400	
B	Tiếp chi	46.400	7.904	793	38.524	4.695	36.600	
I	Sự nghiệp giao thông	15.950	2.326	611	14.803	2.326	13.483	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	9.200	1.471	0	8.153	1.471	8.083	
1	Sửa chữa đường Mường Thín - Mường Mùn (Giai đoạn 1)	9.200	1.471		8.153	1.471	8.083	
*	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	6.750	855	611	6.650	855	5.400	
1	Sửa chữa đường Tuần Giáo - Tênh Phong	3.000	38		2.900	38	2.600	
2	Sửa chữa đường lên trường Tiểu học + THCS Chiềng Sinh, Điểm trường TH Ban Mai	650	217	181	650	217	400	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	Ghi chú
3	Sửa chữa đường nội bản Nong Liếng	1.000	186	134	1.000	186	800	
4	Sửa chữa đường nội bản Thín A	900	155	105	900	155	700	
5	Sửa chữa đường vào khu tái định cư Phiêng Xanh	1.200	259	191	1.200	259	900	
II	Sự nghiệp kinh tế khác	21.600	4.614	45	15.263	1.405	15.280	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	20.000	4.597	45	14.013	1.388	13.980	
1	Sửa chữa NSH bản Huổi Anh xã Tênh Phong	1.500	533		800		800	
2	Sửa chữa NSH bản Mý Làng A, Mý Làng B, bản Khua Trá xã Phình Sáng	3.500	2.266		1.129		1.129	
3	Sửa chữa, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng, trang trí khu vực thị trấn Tuần Giáo	2.300	421	45	1.913	45	1.913	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Chiềng Đông	10.700	282		8.177	282	8.177	
5	Sửa chữa NSH bản Đông Liếng, xã Mường Thín	2.000	1.093		1.993	1.060	1.960	
*	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	1.600	17	0	1.250	17	1.300	
1	Sửa chữa nước sinh hoạt xã Mùn Chung	1.600	17		1.250	17	1.300	
III	Sự nghiệp văn hóa	450	137	137	450	137	300	
*	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	450	137	137	450	137	300	
1	Sửa chữa Nhà văn hóa bản Băng Sắn	450	137	137	450	137	300	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
				Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
	TỔNG CỘNG	52.300	24.129	11.800	34.307	18.681	31.309	
I	Công trình tiếp chi năm 2024	24.400	11.529	0	22.507	9.879	22.507	
1	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Tênh Phong	2.500	1.104		2.256	1.006	2.256	Tiếp chi
2	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Quài Cang	2.500	1.219		2.360	1.110	2.360	Tiếp chi
3	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Rạng Đông	2.500	1.193		2.378	1.128	2.378	Tiếp chi
4	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Sơn Ca	2.000	945		1.868	868	1.868	Tiếp chi
5	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Pú Nhung	2.100	913		1.905	805	1.905	Tiếp chi
6	Duy tu, sửa chữa Trường Mầm non Tỏa Tình	1.800	891		1.728	828	1.728	Tiếp chi
7	Duy tu, sửa chữa Trường Tiểu học Quài Tở	3.500	1.703		3.162	1.034	3.162	Tiếp chi
8	Duy tu, sửa chữa Trường Tiểu học Chiềng Sinh	2.500	1.160		2.261	1.011	2.261	Tiếp chi
9	Duy tu, sửa chữa Trường Tiểu học Bình Minh	2.500	1.234		2.330	1.080	2.330	Tiếp chi
10	Duy tu, sửa chữa Trường THCS Rạng Đông	2.500	1.167		2.259	1.009	2.259	Tiếp chi
II	Công trình khởi công mới 2025	27.900	12.600	11.800	11.800	8.802	8.802	
1	Duy tu, sửa chữa các điểm trường Mầm non Quài Nưa	1.500	700	700	700	442	442	
2	Duy tu, sửa chữa các điểm trường Mầm non Mùn Chung	2.500	1.100	1.000	1.000	776	776	
3	Duy tu, sửa chữa trường MN Pú Xi	1.500	700	700	700	484	484	
4	Duy tu, sửa chữa các điểm trường TH Ta Ma	2.500	1.100	1.100	1.100	809	809	
5	Duy tu, sửa chữa các điểm trường TH Khong Hin và MN Khong Hin	3.500	1.600	1.600	1.600	1.102	1.102	
6	Duy tu, sửa chữa trường PTDTBT TH Rạng Đông	2.000	1.000	1.000	1.000	616	616	
7	Duy tu, sửa chữa trường TH số 1 Thị trấn	5.000	2.300	1.800	1.800	1.575	1.575	
8	Duy tu, sửa chữa trường TH Pú Nhung	1.500	700	700	700	477	477	
9	Duy tu, sửa chữa trường TH Xuân Ban	1.500	700	700	700	484	484	

10	Duy tu, sửa chữa trường TH Quải Cang 2	1.200	600	600	600	380	380	
11	Duy tu, sửa chữa trường THCS Vừ A Dính	2.000	700	700	700	647	647	
12	Duy tu, sửa chữa trường PTDT BT THCS Mùn Chung	3.200	1.400	1.200	1.200	1.011	1.011	

Biểu số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	TMĐT	Dự toán giao năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
				Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
	Tổng cộng	8.100	2.266	1.083	7.317	1.453	7.317	
*	Ban QLDA & PTQĐ	8.100	2.266	1.083	7.317	1.453	7.317	
1	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Chiềng Ban xã Mùn Chung	2.900	38		2.575	38	2.575	Trả nợ sau QT
2	Đường vào khu sản xuất bản Lồng xã Tà Ình	900	346	346	846	346	846	CT chờ QT
3	Sửa chữa kênh mương bản Ta Léch, xã Mùn Chung	700	287	259	659	287	659	Trả nợ sau QT
4	Nâng cấp sửa chữa Thủy lợi Pá Tong 2 xã Nà Tòng	1.000	303		850	303	850	Trả nợ sau QT
5	Kênh thủy lợi Nậm Chăn - Nà Léch xã Chiềng Đông	2.600	1.291	478	2.387	478	2.387	Trả nợ sau QT